TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 07 - 2026
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân gồm có: Bà Bùi Thị Kim Dung

Bà Bùi Việt Nga

Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Tiến Đạt – Cán bộ Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Y Rin Niê Kdăm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2026 tại phòng xử án Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2026/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 03 năm 2026 về việc "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 06 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2026/QĐST- HNGĐ ngày 02 tháng 07 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị B** – SN: 1985

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Anh **Nông Kim Đ** – SN: 1983

Địa chỉ: Thôn A, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2025, bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn chị Hoàng Thị B trình bày:

Chị Hoàng Thị B và anh Nông Kim Đ tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/07/2008. Quá trình chung sống, vợ chồng chị hạnh phúc trong thời gian đầu và có với nhau 02 con chung Nông Kim B1 – SN: 23/10/2008, Nông Kim G – SN: 05/07/2010 nhưng về sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn,

nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau, bất đồng trong quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhất là vấn đề tình cảm, chị khuyên bảo thì anh Đ đe dọa, đánh chị, tuy được hai bên gia đình cũng như chính quyền góp ý nhưng chị và anh Đ không thể sống hòa hợp được với nhau, tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nữa nên chị và anh Đ đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 cho tới nay. Nay chị thấy tình cảm giữa chị và anh Đ không còn nữa nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nông Kim Đ.

Về con chung: Chị yêu cầu giao 02 con chung Nông Kim B1 – SN: 23/10/2008, Nông Kim G – SN: 05/07/2010 cho anh N Kim Đồng nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con cho.

Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị B và anh Nông Kim Đ tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nông Kim Đ, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, tại nhà anh Nông Kim Đ và tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tuy nhiên anh Đồng đều vắng mặt tại Tòa án không có lý do. Do vậy anh Nông Kim Đ không thể hiện quan điểm của mình trong vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 22 tháng 05 năm 2026 nguyên đơn đã được tiếp cận, thống nhất với chứng cứ đã được công khai và không thay đổi bổ sung đơn khởi kiện hay nộp chứng cứ gì mới, không yêu cầu triệu tập đương sự khác đến tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nguyên đơn chị Hoàng Thị B ngày 17/06/2026 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 28, 35, 39, 68, 96, 97, 98, 175, 176, 197, 198, 204 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn Tòa án đã tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 81, 82, 83, 84 và 110 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị B, xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nông Kim Đ, về con chung giao cháu Nông Kim B1, Nông Kim G cho anh N Kim Đồng nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con anh Đ không yêu cầu chị Hoàng Thị B phải cấp dưỡng nuôi con nên chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Hoàng Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nông Kim Đ có nơi cư trú tại xã E, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục: Đối với bị đơn anh Nông Kim Đ, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên toà tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã E, tại nhà anh Nông Kim Đ và tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk, đồng thời liên hệ qua số điện thoại của anh Đ tuy nhiên anh Đ không hợp tác và vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 17/06/2026 nguyên đơn chị Hoàng Thị B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, xử vắng mặt.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy chị Hoàng Thị B và anh Nông Kim Đ tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện B, tỉnh Đắk Lắk nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/07/2008 đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị B và anh Nông Kim Đ là hợp pháp. Trong thời gian chung sống chị B, anh Đ nảy sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do anh, chị tính tình không hợp, nhất là vấn đề tình cảm, không hàn gắn được, hiện anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2020 cho tới nay. Xét tình cảm, hạnh phúc của chị B, anh Đ không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, chấp nhận đơn khởi kiện của chị B, xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nông Kim Đ.

[4] Về con chung: Chị B, anh Đ không có con nuôi, con riêng anh chị có 02 con chung Nông Kim B1 – SN: 23/10/2008, Nông Kim G – SN: 05/07/2010. Nay ly hôn chị Hoàng Thị B yêu cầu được giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng cho

đến khi các chaú đủ 18 tuổi. Xét điều kiện nuôi con của các bên Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình giải quyết vụ án Tòa án xác minh tại xã E, tỉnh Đắk Lắk và nơi anh Nông Kim Đ cư trú xác định anh Đ có công việc và có nơi cư trú ổn định, hiện các cháu đang ở với anh Đ, cháu B1 đã gần đủ 18 tuổi, cũng phụ giúp công việc cho anh Đ nên anh Đ có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con nên Hội đồng xét xử có cơ sở để giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Đối với chị Hoàng Thị B không có công việc, nơi cư trú ổn định nên việc chị B yêu cầu giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng là có cơ sở và cũng là theo nguyện vọng của các cháu muốn ở với bố nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận. Về cấp dưỡng chị B không có thu nhập có yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con, anh Đ cũng không có yêu cầu chị Hoàng Thị B phải cấp dưỡng nuôi con nên chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản, công nợ: Chị B, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, 266, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Điều 84 và Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Hoàng Thị B, xử cho chị Hoàng Thị B được ly hôn với anh Nông Kim Đ.

Về con chung: Giao cháu hai cháu Nông Kim B1 – SN: 23/10/2008, Nông Kim G – SN: 05/07/2010 cho anh N Kim Đồng nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Anh Nông Kim Đ không được quyền ngăn cản chị Hoàng Thị B đến thăm nom chăm sóc con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Hoàng Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Hoàng Thị B và anh Nông Kim Đ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ: Chị Hoàng Thị B và anh Nông Kim Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Hoàng Thị B phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị B đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số 0002454 ngày 11/03/2026.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể tử ngày niêm yết bản án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực 2 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lưu Quốc Chinh